

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Xác nhận việc niêm yết công khai số liệu dự toán
ngân sách phường Đức Thuận năm 2023 trình hội đồng nhân dân**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách. UBND phường Đức Thuận đã tiến hành niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách phường Đức Thuận năm 2023 trình hội đồng nhân dân.

Nay UBND phường lập biên bản xác nhận việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách phường Đức Thuận năm 2023 trình hội đồng nhân dân như sau:

1. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường (Bảng niêm yết thủ tục HC bộ phận một cửa UBND phường; nhà văn hóa 7 tổ dân phố).
 2. Thời điểm bắt đầu niêm yết: Ngày 16/12/2022
 3. Thời điểm kết thúc niêm yết: Ngày 17/1/2023.
 4. Các phản ánh liên quan đến nội dung từng bảng biểu: Không có
- Biên bản được lập vào hồi 17 giờ 30, ngày 17 tháng 1 năm 2023.

THƯ KÝ

Bùi Thị Đào

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

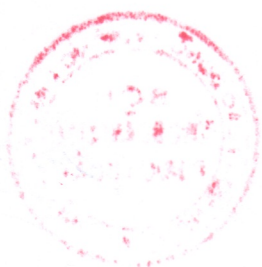
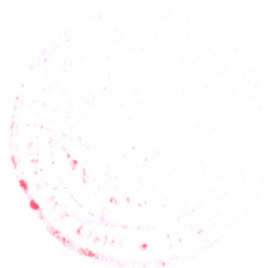


Trần Minh Định

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Lê Hồng Thành



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81 /TB - UBND

Đức Thuận, ngày 16 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 trình hội đồng
nhân dân phường khóa XXII – kỳ họp thứ 5**

Thực hiện thông tư 343 /2016/TT/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường Đức Thuận niêm yết công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 (Có dự toán chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai từ ngày 16/12/2022 đến ngày 17/1/2023

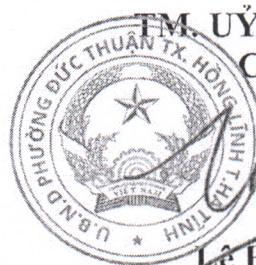
Địa điểm niêm yết công khai: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

Trên đây là nội dung niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 của UBND phường Đức Thuận trước kỳ họp.

Vậy, UBND phường Đức Thuận công khai đề toàn thể các vị đại biểu HĐND phường biết, ai có ý kiến, kiến nghị xin vui lòng đóng góp về bà Nguyễn Thị Ngọc Thu - kế toán ngân sách phường (số điện thoại 0969214267), để UBND phường điều chỉnh nhằm hoàn thiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023 theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; LĐ UBND;
- Bộ phận 1 cửa;
- Tổ dân phố;
- Lưu VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

[Signature]
Lê Hồng Thành

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình HĐND)

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	23.049.770.864	18.418.893.281	11.334.000.000	2.498.200.000	49,17	13,56
I. Các khoản thu 100%	344.717.010	325.623.086	44.000.000	44.000.000	12,76	13,51
1. Phí, lệ phí	36.290.000	36.170.000	44.000.000	44.000.000	121,25	121,65
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	78.850.000	78.850.000				
Thu từ quỹ đất công ích	78.850.000	78.850.000				
Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	28.179.660	9.205.736				
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	201.397.350	201.397.350			0,00	0,00
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.703.058.154	1.091.274.495	11.290.000.000	2.454.200.000		224,89
1. Các khoản thu phân chia	1.257.147.707	716.957.362	661.000.000	584.400.000	52,58	81,51
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	337.228.782	337.228.782	300.000.000	300.000.000	88,96	88,96
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	50.500.000	10.600.000	11.000.000	4.400.000	21,78	41,51
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	869.418.925	369.128.580	350.000.000	280.000.000	40,26	75,85
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.794.092.047	69.369.453	1.629.000.000	69.800.000	58,30	100,62
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	719.472.016	66.000	5.000.000	5.000.000	0,69	
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	541.758.591	69.303.453	324.000.000	64.800.000	59,81	93,50
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.952.054		400.000.000		769,94	
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	1.480.909.386		400.000.000		27,01	
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt			500.000.000			
3. Thu cấp quyền sử dụng đất	1.651.818.400	304.947.680	9.000.000.000	1.800.000.000	544,85	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	284.047.000	284.047.000				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		0				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.717.948.700	16.717.948.700	0	0		
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.809.600.000	4.809.600.000				
2. Bổ sung có mục tiêu	11.908.348.700	11.908.348.700				

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số	36.100	36.100	0			
Hoạt động quỹ công chuyên dùng	36.100	36.100	0			
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	7.500	7.500	0			
- Quỹ bảo trợ trẻ em	4.600	4.600	0			
- Quỹ phòng chống thiên tai	24.000	24.000	0			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 01/01 đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Tổng số
Tổng số		6.094.793	2.597.397	2.690.959	1.558.630	2.526.593	200.000	1.800.000	1.800.000
1. Công trình chuyển tiếp		3.794.793	1.897.397	2.690.959	1.558.630	926.593	200.000	200.000	200.000
Nhà văn hoá Thuận Hòa	2021	2.141.608	1.070.804	1452270	1177630	100.000	100000	100.000	100.000
Chỉnh trang đô thị từ đường Thống Nhất đến Trạm Bơm	2022	1.653.185	826.593	1.238.689	381.000	826.593	100.000	100.000	100.000
2. Công trình khởi công mới		2.300.000	700.000	0	0	1.600.000	0	1.600.000	1.600.000
Xây dựng hệ thống chống cháy tại trường Mầm Non	2023	200.000		0	0	200.000	0	200.000	200.000
Nâng cấp trụ sở khuôn viên UBND phường	2023	1.000.000		0	0	1.000.000	0	1.000.000	1.000.000
Đường xung quanh khuôn viên nhà văn hoá Ngọc Sơn	2023	500.000	200.000	0	0	300.000	0	300.000	300.000
Tuyến đường chỉnh trang đô thị thảm nhựa và bất khả kháng	2023	600.000	500.000	0	0	100.000	0	100.000	100.000

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2022			Dự toán năm 2023			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
Tổng số chi	5.812.200	500.000	5.317.240	7.134.476	1.800.000	5.334.476	123		100,32
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	316.892		316.892	386.540		386.540	122		121,98
1.1. Chi dân quân tự vệ	256.892		256.892	361.040		361.040	141		140,54
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	60.000		60.000	25.500		25.500	43		42,50
2. Chi giáo dục				200.000	200.000				
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	10.000		10.000	10.000		10.000	100		100,00
5. Chi văn hóa, thông tin	169.000	100.000	69.000	435.000	400.000	35.000	257		50,72
6. Chi phát thanh, truyền thanh	30.000		30.000	20.450		20.450	68		68,17
7. Chi thể dục, thể thao	50.000		50.000	35.000		35.000	70		70,00
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	428.500	400.000	28.500	216.000	200.000	16.000	50		56,14
9.1. Giao thông									
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	28.500		28.500	16.000		16.000	56		56,14
9.3. Thị chính	400.000	400.000		200.000	200.000				
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.530.572	0	4.530.572	5.490.143	1.000.000	4.490.143	121		99,11
. Chi cải cách tiền lương	200.000		200.000	150.000		150.000			
. Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	3.171.328		3.171.328	4.050.297	1.000.000	3.050.297	128		96,18

Tỉnh: Hà Tĩnh
Thị xã: Thị xã Hồng Lĩnh
Phường: Đức Thuận

Nội dung	Dự toán năm 2021				Dự toán năm 2022				So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX		
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4		
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	434.620		434.620	512.303		512.303	117,87		117,87		
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	197.088		197.088	215.552		215.552	109,37		109,37		
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	114.520		114.520	101.789		101.789	88,88		88,88		
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	115.484		115.484	140.744		140.744	121,87		121,87		
10.6. Hội Cựu chiến binh	143.780		143.780	141.891		141.891	98,69		98,69		
10.7. Hội Nông dân	111.752		111.752	142.567		142.567	127,57		127,57		
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	42.000		42.000	35.000		35.000	83,33		83,33		
. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể											
11. Chi cho công tác xã hội	161.899		161.899	201.451		201.451	124,43		124,43		
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	150.459		150.459	175.011		175.011	116,32		116,32		
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa				8.000		8.000					
11.3. Trợ cấp xã hội				7.000		7.000					
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	11.440		11.440	11.440		11.440	100,00		100,00		
11.5. Khác											
. Chi khác											
12. Chi khác											
. Chi khác											
13. Dự phòng	115.337		120.377	139.892		139.892	121,29		116,21		
. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau											
. Nộp trả ngân sách cấp trên											

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023*(dự toán trình hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	7.134.476	Tổng số chi	7.134.476
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	44.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.800.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.454.200	II. Chi thường xuyên	5.194.584
III. Thu bổ sung	4.636.276	III. Dự phòng	139.892
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.636.276		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyên nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.